

Cẩm Khê, ngày 10 tháng 9 năm 2020

Số: 12/2020/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 70/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1932.

Địa chỉ: Khu Đ, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Vợ chồng anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1974 và chị Hoàng Thị D, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Khu Đ, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Vợ chồng anh Nguyễn Văn S và chị Hoàng Thị D có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Đức Đ số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), được trả làm ba lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 30/01/2021, vợ chồng anh Nguyễn Văn S và chị Hoàng Thị D trả nợ cho ông Nguyễn Đức Đ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Lần thứ hai: Ngày 30/7/2021, vợ chồng anh Nguyễn Văn S và chị Hoàng Thị D trả nợ cho ông Nguyễn Đức Đ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Lần thứ ba: Ngày 30/01/2022, vợ chồng anh Nguyễn Văn S và chị Hoàng Thị D trả nợ cho ông Nguyễn Đức Đ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

2.2. Về án phí: Vợ chồng anh Nguyễn Văn S và chị Hoàng Thị D có nghĩa vụ phải chịu 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Đức Đ là người cao tuổi được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đến thời hạn trả nợ, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- THADS huyện Cẩm Khê;
- Lưu Văn phòng;

THẨM PHÁN

Nguyễn Hán Hưởng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; nếu là

Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).